

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Thanh Hiền
2. Ông Trần Minh Sang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TB-TLVA ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị T: Luật sư Nguyễn Thành P thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Thành P – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn: Anh Đào Quốc T1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 07 tháng 5 năm 2021, Đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 31/12/2021 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Quốc T1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã, có lần anh T1 còn đánh chị, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và không hòa hợp trong vấn đề sinh hoạt vợ chồng nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và sống ly thân với anh T1 từ tháng 4/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T1 có đến nhà năn nỉ chị nhưng chị không đồng ý trở về chung sống do anh T1 có hành vi quấy và hăm dọa, đập phá tài sản của cha mẹ chị làm chị lo sợ. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Đào Tiến P1, sinh ngày 19/10/2020. Hiện chị đang nuôi cháu P1. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P1, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24K, một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một cặp vòng 04 chỉ vàng 18K, 01 cặp nhẫn 01 chỉ vàng 18K. Tổng giá trị ước lượng khoảng 35.000.000đồng. Hiện các tài sản trên anh T1 đang giữ. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T1, yêu cầu được nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đồng do anh T1 tự nguyện. Về quan hệ tài sản chung, chị đồng ý giao cho anh T1 được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu đối với số vàng cưới nên vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

\* Tại Bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đào Quốc T1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Thị Thu T về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng việc cãi vã của vợ chồng là việc thường xảy ra của các vợ chồng và anh còn thương vợ, thương con. Về con chung, anh không đồng ý ly hôn nên muốn vợ chồng cùng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh cho rằng anh đã nhiều lần rước chị T về chung sống nhưng chị T không đồng ý mà còn dùng những lời lẽ nặng nề để xua đuổi anh nhưng anh vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung, nếu Tòa án buộc ly hôn thì anh đồng ý để chị T nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đồng. Về quan hệ tài sản chung: anh thống nhất vợ chồng có tài sản chung là vàng cưới, hiện anh đang giữ, nay anh thống nhất với ý kiến của chị T xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

\* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm như sau: Tại phiên tòa, các đương sự đã thống nhất với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các vấn đề này. Về quan hệ hôn nhân, chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 vì anh T1 không quan tâm chăm sóc vợ con và không quan tâm cảm nhận của chị T, anh T1 còn có hành vi bạo lực, trong thời gian sống ly thân, anh T1 lại có hành vi đập phá tài sản của cha mẹ chị T khiến cho mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trầm trọng. Anh T1 cũng thừa nhận những mâu thuẫn của vợ chồng như chị T trình bày nhưng không đồng ý ly hôn. Anh T1 hứa sẽ sửa đổi nhưng khi trình bày tại tòa anh T1 vẫn giữ thái độ của mình nên thiết nghĩ khả năng sửa đổi là không thể. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để Tòa án cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về nội dung tranh chấp:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1.1] Chị Đặng Thị Thu T và anh Đào Quốc T1 tự nguyện chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 23/10/2019. Như

vậy, chị T và anh T1 có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Thu T và anh Đào Quốc T1 là hợp pháp.

[1.1.2] Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2020 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cự cãi, không hòa hợp trong sinh hoạt vợ chồng và anh T1 có hành vi đánh chị, hăm dọa và đập phá tài sản của cha mẹ chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Anh T1 cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn cãi vã, anh muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh còn thương vợ, thương con và hứa sẽ sửa đổi. Xét thấy, chị T và anh T1 đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay anh T1 không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[1.2] Về con chung: Chị Đặng Thị Thu T và anh Đào Quốc T1 chung sống có 01 con chung tên Đào Tiến P1, sinh ngày 19/10/2020. Hiện chị T đang nuôi con. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh T1 đồng ý để chị T nuôi con do cháu P1 còn nhỏ và đang sống với mẹ. Xét thấy, trong thời gian chị T và anh T1 sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho con, cháu P1 hiện chưa tròn 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu P1, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đồng, chị T đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đồng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật, không tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

[1.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử công nhận chị T và anh T1 không có tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Đặng Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Đào Quốc T1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu T được ly hôn với anh Đào Quốc T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Đào Tiến P1 sinh ngày 19/10/2020 cho chị Đặng Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đào Quốc T1 cấp dưỡng nuôi cháu Đào Tiến P1 mỗi tháng 750.000đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đào Tiến P1 thành niên. Anh Đào Quốc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đặng Thị Thu T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003820 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

Bị đơn anh Đào Quốc T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Huỳnh Trúc**